

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-PT

Ngày: 11- 7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Hà;

Bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1972

Nơi cư trú : Số nhà 13, phố C, Tổ 15, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1951

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 02, phố B, Tổ 33, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn trình bày: Tháng 8 năm 2012, bà D đã cho ông K vay 650.000.000 đồng mục đích để ông K mua nhà ở Hà Nội, hai bên thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng từ ngày 30/8/2012 đến ngày 30/11/2012, lãi suất 4%/tháng. Ông K viết giấy biên nhận vay bà D 650.000.000 đồng, nhưng viết nhầm lãi suất là 40%/1 tháng. Từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay, ông K không trả nợ bà. Vì vậy bà D yêu cầu ông K trả bà 650.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi tính từ ngày 30/8/2012 đến ngày khởi kiện 30/11/2014 với lãi suất 1,5%/tháng. Sau đó bà D thay đổi yêu cầu tính lãi với mức 1,3%/tháng, không yêu cầu trả lãi đối với ngày lễ của tháng tính đến ngày xét xử.

- Trong quá trình giải quyết theo thủ tục sơ thẩm lần 1, ông Nguyễn Đức K trình bày: Ông và bà D có quan hệ tình cảm với nhau nên tháng 8/2012 hai bên góp tiền mua chung một mảnh đất ở Hà Nội để kinh doanh với giá 1.700.000.000 đồng, bà D góp 650.000.000 đồng. Ông viết giấy biên nhận vay tiền bà D, hạn 03 tháng bán đất thì trả, nhưng do đất mất giá chưa bán được nên bà D không chung nữa và đòi lại tiền. Ngày 18/7/2013 ông K đã trả bà D 270.000.000 đồng; ngày 28/12/2013 (âm lịch) ông tiếp tục trả cho bà D số tiền 50.000.000 đồng, cả hai lần trả tiền đều không viết giấy biên nhận. Tổng số tiền ông đã trả cho bà D là 320.000.000 đồng. Nay ông chỉ còn nợ bà D 330.000.000 đồng tiền gốc và ông nhất trí trả lãi suất 40%/tháng từ ngày 30/8/2012 đến ngày 30/10/2014 là 3.432.000.000 đồng. Ông K xác nhận: Giấy vay tiền 30/8/2012 mà bà D xuất trình do chính tay ông viết.

- Bản án sơ thẩm số 01/2014/DSST ngày 06/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông K phải trả cho bà D số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 236.600.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 886.600.000 đồng.

- Sau khi xét xử sơ thẩm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm nêu trên về thời gian tính lãi, cách tính lãi suất và tính án phí sơ thẩm. Ông K kháng cáo toàn bộ bản án và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm lần 1: Ông có nợ tiền và EUR của bà D ngoài khoản tiền 650.000.000đ, nhưng bà D đã bán của ông một mảnh đất để thu hồi nợ. Ngày 18/7/2013 ông đã trả cho bà D 270.000.000 đồng và 28/12/2013 ông đã trả cho bà D 50.000.000 đồng, tính vào khoản nợ 650.000.000 đồng. Khi ông trả tiền bà D có ông Đỗ Quang P làm chứng, có sim điện thoại ghi âm lại được.

- Bản án phúc thẩm số 11/2015/DS-PT ngày 13/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình quyết định không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức K và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về thời gian tính lãi, cách tính lãi suất quá hạn bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng quy định, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ bằng số tiền án sơ thẩm đã quyết định, nên cấp phúc thẩm đã buộc ông K phải trả cho bà D số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 236.600.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 886.600.000 đồng.

- Ngày 13/7/2015, ông Nguyễn Đức K có đơn đề nghị xem xét lại bản án dân sự phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm. Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình cũng có công văn đề nghị Tòa án cấp cao tại Hà Nội xem xét giám đốc thẩm bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Ngày 06/3/2017, Chánh án Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định số 19/KN-DS kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2015/DS-PT ngày 13/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2014/DS-ST ngày 06/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Quyết định giám đốc thẩm số 51/2017/DS-GĐT ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2015/DS-PT ngày 13/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2014/DS-ST ngày 06/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử theo thủ tục sơ thẩm để làm rõ: Ông K có vay bà D 274.000.000 đồng không, bà D có trả tiền nhận chuyển nhượng đất cho ông K không, trả bao nhiêu? Làm rõ việc ông P có chứng kiến việc ông K trả bà D 320.000.000 đồng không? Giám định làm rõ sim điện thoại ông K cho rằng ghi âm việc ông K trả tiền bà D? Số tiền 4.500 EUR và hơn 100.000.000 đồng là tiền vay hay tiền bán đất của ông K cho người khác?

- Trong quá trình giải quyết sơ thẩm lần hai: Bà D yêu cầu ông K trả bà số nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, gồm lãi trong hạn là 32.370.000 đồng; lãi quá hạn là 1.003.470.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.685.840.000 đồng. Bà D còn yêu cầu bà Bùi Thị T, sinh năm 1956, trú tại: Tổ 7 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (là vợ ông K) phải có trách nhiệm liên đới cùng ông K trả nợ cho bà D và yêu cầu kê biên, phong tỏa tài sản là nhà đất của ông Nguyễn Đức K tại số nhà 02, phố Nguyễn B, Tổ 33, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình để đảm bảo thi hành án.

+ Bà D còn trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2013, bà D cho ông K vay tiền nhiều lần, tổng là 139.000.000 đồng và 4.500 EUR (tương đương với 135.000.000 đồng), cộng là 274.000.000 đồng. Những khoản vay này, hai bên không viết giấy vay nhưng bà D có ghi vào sổ theo dõi cá nhân của bà. Ông K đã trả cho bà 270.000.000 đồng vào tháng 6/2013. Còn 4.000.000 đồng bà không yêu cầu ông K trả tiếp.

+ Tháng 6/2011, bà D có giới thiệu bán hộ ông K mảnh đất của ông K tại cầu K, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình cho ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1952 trú tại thôn Q, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình, với giá 500.000.000đ, ông Nguyễn Ngọc K đã giao cho bà D 300.000.000 đồng tiền đặt cọc, số còn lại

hẹn khi nào làm xong giấy tờ chuyển nhượng đất sẽ thanh toán nốt. Bà D đã giao đủ 300.000.000 đồng đó cho ông K, ông K đã sử dụng đầu tư nuôi nhím. Tuy nhiên, do ông K không làm được thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc K (vì tên chủ sử dụng đất trên giấy tờ là bà T, bà T khi đó đã chuyển vào Vũng Tàu sống) nên ông Nguyễn Ngọc K không mua đất nữa và đòi lại tiền. Do ông K không có tiền trả nên ông K nhờ bà D vay tiền để trả cho ông Nguyễn Ngọc K. Bà D đã đi vay nóng bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964, trú tại số nhà 128, ngõ 01 phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình 300.000.000đ để trả ông Nguyễn Ngọc K. Do vay bà L lãi suất 6%/tháng, nên bà D đã thế chấp nhà vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng để trả bà L 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 43.200.000 đồng tiền lãi. Ông K lại vay bà 100.000.000 đồng tiền mặt. Sau đó ông K đã thống nhất bán mảnh đất ở Cầu K cho bà D với giá 493.000.000 đồng, bà D đã trả đủ tiền cho ông K, gồm: 343.200.000 đồng trả bà L; 100.000.000 đồng ông K vay và 50.000.000 đồng bà D đưa cho ông K đi vào Vũng Tàu gặp bà T để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau đó bà D đã chuyển nhượng đất cho người khác để lấy tiền trả nợ ngân hàng. Bà D khẳng định việc ông K chuyển nhượng cho bà mảnh đất ở cầu K đã thực hiện xong hoàn toàn từ ngày 13/4/2012, trước khi ông K vay bà 650.000.000 đồng.

+ Bà D khẳng định không có việc ông Đỗ Quang P chứng kiến ông K trả tiền bà D, vì vậy bà D bác bỏ tờ giấy xác nhận của ông P về việc làm chứng ông K trả bà D 320.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Đức K được Tòa án sơ thẩm triệu tập nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không giao nộp sim điện thoại mà trước đây ông K cho rằng đã ghi âm việc trả tiền bà D.

- Ông Đỗ Quang P, sinh năm 1958, trú tại số nhà 40 phố C, Tổ 36, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình trình bày: Ông và ông K là anh em quen biết, qua ông K ông có quen biết bà D. Năm 2013 khi ông xây dựng nhà máy nước ở xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình thì ông K đề nghị tham gia góp vốn. Ông giới thiệu ông K ra Ngân hàng thế chấp nhà vay tiền. Ông K nói vay được khoảng 800.000.000 đồng. Sau đó ông K không góp vốn làm ăn với ông nữa và nói bà D đòi tiền nên ông trả bà D. Một thời gian sau ông K có đến nhờ ông P xác nhận là ông P biết việc ông K vay tiền ngân hàng để trả nợ bà D. Ngay lúc ông K nhờ, ông P đã gọi điện thoại cho bà D hỏi bà D về việc ông K vay tiền ngân hàng đã trả bà D bao nhiêu tiền rồi thì bà D nói ông K đã trả cho bà 280.000.000 đồng nhưng vay lại bà 10.000.000 đồng nên ông mới xác nhận cho ông K. Việc ông K trả bà D số tiền 270.000.000 đồng vào tháng 8/2013 và số tiền 50.000.000 đồng vào tháng 12/2013 như ông K nói ông đều không trực tiếp chứng kiến. Việc ông K vay bà D bao nhiêu tiền và vay để làm gì ông không biết.

- Bà Bùi Thị T (vợ ông K) trình bày: Bà đã đuổi ông K ra khỏi nhà, hiện không biết ông K ở đâu; Việc bà D và ông K vay tiền làm ăn thế nào bà không biết, ông K không nói gì với bà cũng không mang tiền về gia đình nên bà không

có trách nhiệm trả nợ cho bà D. Nhà ông K bà T tại Số 02, phố B, Tổ 33, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã bán trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông K là bạn của chồng bà L, qua ông K, bà L biết bà D. Khoảng đầu năm 2012, bà D có đến nhà bà đặt vấn đề vay bà 300.000.000 đồng để mua đất dưới cầu K, xã V, thành phố T. Bà cho bà D vay 300.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng, thời gian vay là 01 tháng nhưng khi đến hạn bà D chưa có tiền trả nên phải đến 03 tháng sau trả. Khoảng tháng 6/2012 thì bà D và ông K đến nhà bà trả tiền gốc là 300.000.000 đồng còn tiền lãi thì bà không nhớ. Khi đó bà D có khoe với bà là mua mảnh đất ở cầu K, xã V của ông K.

- Ông Nguyễn Ngọc K trình bày về việc mua mảnh đất tại khu vực đường cũ cầu K xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình như bà D trình bày. Do không làm được thủ tục chuyển nhượng nên bà D đã trả lại ông số tiền đặt cọc là 300.000.000 đồng.

- Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm lần 2 ngày 06/02/2018, thể hiện bà D rút yêu cầu về việc yêu cầu bà Bùi Thị T (vợ ông K) liên đới trả nợ bà và rút yêu cầu kê biên phong tỏa tài sản số nhà 02, phố B, Tổ 33, phường Đ, thành phố Thái Bình.

- Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 145, 146, 202, 207, 227, 229, 233, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 305, khoản 5 Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử buộc ông K phải trả cho bà D số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn số tiền là 324.187.500 đồng; tổng số là 974.187.500 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị D về lãi nợ quá hạn là 711.652.500 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị D về việc buộc bà Bùi Thị T phải liên đới nợ gốc và nợ lãi cùng ông Nguyễn Đức K.

4. Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị D về việc kê biên phong tỏa tài sản nhà 02, phố B, Tổ 33, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình là nhà của ông Nguyễn Đức K để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.225.625 đồng. Buộc bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.466.100 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21/02/2018, bà D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 02/2018/DS - ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các vấn đề sau:

+ Yêu cầu căn cứ theo khoản 5 Điều 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 tính lãi suất quá hạn, cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: $150 \times 9\%/năm = 1,125/\text{tháng}$

Lãi suất quá hạn: $9\%/năm = 0,75\%/tháng$

Lãi suất quá hạn phải được tính: $1,125\% + 0,75\% = 1,875\%/tháng$

Như vậy lãi suất quá hạn : $650.000.000 \text{ đồng} \times 1,875\%/tháng \times 62 \text{ tháng} = 755.625.000 \text{ đồng}.$

+ Bà D không phải chịu án phí.

- Ngày 19/3/2018, bà D làm “Đơn đề nghị bổ sung kháng cáo” đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

+ Kê biên ngôi nhà của ông Nguyễn Đức K để đảm bảo thi hành án trả nợ cho bà D;

+ Yêu cầu bà Bùi Thị T (vợ ông K) có trách nhiệm cùng ông K trả nợ cho bà D.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Phạm Thị D giữ yêu cầu kháng cáo về lãi suất quá hạn, về án phí dân sự sơ thẩm, về việc yêu cầu bà Bùi Thị T có trách nhiệm cùng ông K trả nợ cho bà và yêu cầu kê biên, phong tỏa tài sản là nhà đất của ông K tại số nhà 02 phố Tổ 33, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi được Hội đồng xét xử giải thích quy định pháp luật về yêu cầu kê biên tài sản, phong tỏa tài sản là những yêu cầu thuộc phạm vi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giải thích thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thì bà D đã rút yêu cầu kê biên, phong tỏa tài sản là nhà đất của ông K tại số nhà 02 phố B, Tổ 33, phường Đ, thành phố T. Bà D không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nào khác.

Ông Phạm Đức K vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện quan điểm tại cấp phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 21/02/2018 bà Phạm Thị D làm đơn kháng cáo một phần bản án và gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là kháng cáo hợp lệ, được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

[1.2] Ngày 19/3/2018, bà D gửi “Đơn đề nghị bổ sung kháng cáo” khi đã hết thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu.

[1.3] Ông Nguyễn Đức K vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập ông K đến tham gia phiên tòa phúc thẩm để đảm bảo các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K theo quy định pháp luật, tuy nhiên ông K vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự có mặt nguyên đơn có kháng cáo, vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn:

Khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”*

Như vậy, cách tính lãi nợ quá hạn mà cấp sơ thẩm đã xác định bằng mức lãi suất cơ bản tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước - là đúng quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự. Cụ thể lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm bằng $650.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/1 \text{ năm} (0,75\%/1 \text{ tháng}) \times 62 \text{ tháng} = 302.250.000 \text{ đồng}$. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D về nội dung nêu trên.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo về việc nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm”*.

Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý án phí, lệ phí Tòa án quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được tòa án chấp nhận*”.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tổng là 975.187.500 đồng. Phần yêu cầu không được chấp nhận gồm lãi suất trong hạn 10.432.500 đồng, lãi suất quá hạn là 701.220.000 đồng, tổng phần yêu cầu không được chấp nhận là 711.625.500 đồng. Cấp sơ thẩm đã buộc bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận; Bà D không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy bà D phải chịu 32.466.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà D.

[2.3] Đối với kháng cáo về việc yêu cầu kê biên, phong tỏa ngôi nhà tại số 02, phố B, Tổ 33, phường Đ, thành phố T của ông Nguyễn Đức K để đảm bảo thi hành án: Theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, đây là yêu cầu của đương sự về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhưng cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là không đúng. Cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật khi có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà D rút yêu cầu này vì tài sản bà yêu cầu, ông K đã chuyển nhượng cho người khác. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét giải quyết đối với yêu cầu của bà D.

[2.4] Đối với yêu cầu của bà D đề nghị Tòa án buộc bà Bùi Thị T (vợ ông K) có trách nhiệm cùng ông K trả nợ cho bà D:

Xét thấy ngày 06/02/2018, Tòa án sơ thẩm ra bản án xét xử tranh chấp giữa bà D và ông K. Ngày 21/02/2018, bà D kháng cáo yêu cầu xem xét lại về cách tính lãi quá hạn; Ngày 19/3/2018, bà D gửi “Đơn đề nghị bổ sung kháng cáo” trong đó có yêu cầu bà T (vợ ông K) phải có trách nhiệm cùng ông K trả nợ bà. Như vậy yêu cầu kháng cáo bổ sung của bà D được gửi đến Tòa án khi đã hết thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và nội dung kháng cáo đã vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu.

Khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nếu thời hạn kháng cáo đã hết.*”

Theo quy định nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của bà D.

Mặt khác, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 06/02/2018 (bút lục từ 274 đến 282) đã thể hiện: Bà D đã tự nguyện rút yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân

dân Thành phố Thái Bình đã quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đó của nguyên đơn. Như vậy, khi yêu cầu chưa được giải quyết ở cấp sơ thẩm thì cấp phúc thẩm không có thẩm quyền giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà D không được chấp nhận nên bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị D. Xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về lãi quá hạn và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 145, 146, 202, 207, 227, 229, 233, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 305, khoản 5 Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Phạm Thị D: Xử buộc ông Nguyễn Đức K phải trả cho bà Phạm Thị D số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn số tiền là 324.187.500 đồng (*Ba trăm hai mươi bốn triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*); Tổng số tiền ông K phải trả cho bà D là 974.187.500 đồng (*chín trăm bảy mươi tư triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị D về tiền lãi là 711.652.500 đồng.

[1.3] Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị D về việc buộc bà Bùi Thị T phải liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cùng ông Nguyễn Đức K.

[1.4] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.225.625 đồng. Buộc bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.466.100 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ bà D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006907 ngày 28/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/7/2018./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục thi hành án dân sự
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Bình